

Thứ hai, ngày 12 tháng 10 năm 2020

Vietnam Daily Review

Kiểm tra kháng cự 930

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 13/10/2020		•	
Tuần 12/10-16/10/2020		•	
Tháng 10/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNINDEX bứt phá mạnh mẽ ngay từ đầu phiên nhờ sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngành Ngân hàng; tuy nhiên, áp lực bán gia tăng tại vùng 930 điểm khiến đà tăng thu hẹp dần đến cuối phiên. Dòng tiền đầu tư suy yếu khi chỉ có 4/19 nhóm ngành tăng điểm, trong đó, hai nhóm ngành Bảo Hiểm, và Ngân hàng dẫn đầu thị trường với mức tăng mạnh nhất. Khối ngoại tiếp tục bán ròng trên sàn HSX. Thanh khoản thị trường vẫn duy trì ổn định, trong khi đó, độ rộng thị trường ở trạng thái tiêu cực cho thấy tâm lý nhà đầu tư thận trọng hơn về thị trường. Theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex vẫn duy trì đà tăng chậm kiểm tra vùng 930 điểm trong những phiên tiếp theo.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 860 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 12/10/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bảo hiểm & Chứng khoán_0.8%

Phân tích kỹ thuật: BWE_Tích lũy ngắn hạn (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+1.83** điểm, đóng cửa **925.83** điểm. HNX-Index **-1.01** điểm, đóng cửa **135.90** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **CTG (+1.54); VCB (+1.16); MSN (+0.70); BID (+0.69); BVH (+0.66).**
- Kéo chỉ số giảm: **SAB (-0.90); VRE (-0.37); LGC (-0.25); HPG (-0.24); MWG (-0.19).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **7,696 tỷ đồng, +33.01%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 9.85 điểm, mở rộng so với phiên trước. Thị trường có **127** mã tăng, **52** mã tham chiếu và **295** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-382.27 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm **CTG (-183.8 tỷ), MSN (-88.6 tỷ) và VRE (-25.0 tỷ).** Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **4.78 tỷ đồng.**

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **925.83**

Giá trị: 7696.37 tỷ **1.83 (0.2%)**

Khối ngoại (ròng): -376.82 tỷ

HNX-INDEX **135.90**

Giá trị: 780.53 tỷ **-1.01 (-0.74%)**

Khối ngoại (ròng): 4.78 tỷ

UPCOM-INDEX **63.47**

Giá trị: 495.24 tỷ **-0.54 (-0.84%)**

Khối ngoại (ròng): -17.48 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	40.1	-1.16%
Giá vàng	1,920	-0.52%
Tỷ giá USD/VND	23,179	0.02%
Tỷ giá EUR/VND	27,401	0.42%
Tỷ giá JPY/VND	21,961	0.10%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	28.27%
LS TPCP 5 năm	1.2%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	31.6	CTG	-183.8
SSI	13.8	MSN	-88.6
VCB	12.2	VRE	-25.0
DCM	11.7	DIG	-21.3
GAS	9.4	VNM	-17.8

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-Invest	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bảo hiểm & Chứng khoán_0.8%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	5/26 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.8%	0.8%	8.2%	8.2%	27.3%	19.5%	30.7%
Ngân Hàng	0.7%	0.7%	4.1%	4.1%	25.9%	15.0%	33.8%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.3%	0.3%	0.2%	0.2%	14.1%	1.5%	31.8%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.3%	0.3%	1.7%	1.7%	17.3%	2.9%	28.3%
VN FinSelect	0.3%	0.3%	0.8%	0.8%	14.1%	1.7%	30.1%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.1%	0.1%	3.0%	3.0%	12.6%	-2.5%	25.3%
FTSE Việt Nam	0.0%	0.0%	1.2%	1.2%	10.6%	-1.3%	25.4%
VN Diamond	0.0%	0.0%	1.1%	1.1%	16.4%	-4.3%	31.3%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.4%	-0.4%	3.0%	3.0%	20.4%	6.9%	27.6%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.4%	-0.4%	2.3%	2.3%	18.2%	-5.1%	32.5%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.4%	-0.4%	1.9%	1.9%	20.0%	1.5%	30.2%
Cổ phiếu ngành Dược	-0.4%	-0.4%	1.5%	1.5%	16.0%	6.2%	21.7%
Chiến tranh thương mại	-0.6%	-0.6%	3.3%	3.3%	27.0%	9.9%	31.0%
Hàng tiêu dùng	-0.6%	-0.6%	3.6%	3.6%	22.5%	12.4%	29.6%
Nước & Năng lượng	-0.6%	-0.6%	0.9%	0.9%	17.0%	5.3%	26.2%
Bất động sản & Khu công nghiệp	-0.6%	-0.6%	1.1%	1.1%	16.5%	3.0%	25.3%
Vật liệu Xây dựng	-0.9%	-0.9%	3.4%	3.4%	24.0%	21.2%	28.8%
EVFTA	-1.0%	-1.0%	0.4%	0.4%	1.4%	1.4%	16.6%
Đầu tư công	-1.0%	-1.0%	2.2%	2.2%	27.7%	20.4%	26.5%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-1.0%	-1.0%	1.1%	1.1%	20.4%	23.0%	21.6%
Xây dựng	-1.0%	-1.0%	2.5%	2.5%	25.7%	16.2%	31.0%
Corona Avengers	-1.2%	-1.2%	1.9%	1.9%	18.9%	14.6%	35.1%
Dầu khí	-1.4%	-1.4%	1.0%	1.0%	13.6%	-13.1%	39.5%
Bất động sản Khu công nghiệp	-1.7%	-1.7%	1.0%	1.0%	21.6%	22.5%	29.8%
Lãi suất giảm	-1.8%	-1.8%	1.0%	1.0%	24.5%	20.7%	32.5%
Stay-at-home	-2.3%	-2.3%	-1.6%	-1.6%	19.0%	24.5%	33.8%

Mục tiêu	1/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
M31	0.7%	0.7%	3.2%	3.2%	22.5%	6.3%	31.0%
M22	0.1%	0.1%	1.8%	1.8%	15.9%	9.8%	26.3%
M12	0.0%	0.0%	1.6%	1.6%	13.7%	1.4%	26.0%
L32	-0.1%	-0.1%	3.8%	3.8%	19.0%	-4.0%	31.2%
S11	-0.3%	-0.3%	2.0%	2.0%	19.8%	19.0%	26.3%
S21	-0.5%	-0.5%	2.0%	2.0%	23.4%	6.6%	28.2%
L22	-0.5%	-0.5%	1.5%	1.5%	21.2%	2.9%	28.3%
L11	-0.5%	-0.5%	0.8%	0.8%	16.4%	3.3%	24.9%
S32	-1.2%	-1.2%	3.2%	3.2%	20.4%	-2.4%	34.1%

Khẩu vị Rủi ro	0/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
MID1	-0.2%	-0.2%	1.3%	1.3%	21.6%	17.4%	26.1%
LOW1	-0.2%	-0.2%	1.2%	1.2%	12.8%	1.2%	26.1%
HIGH3	-0.4%	-0.4%	1.8%	1.8%	17.7%	2.1%	28.9%

INDEX							
VNINDEX	0.2%	0.2%	2.3%	2.3%	12.2%	-3.7%	24.8%
VN30INDEX	0.0%	0.0%	1.9%	1.9%	13.5%	-0.5%	26.1%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	26	5	21	5	21	9	17
Mục tiêu	9	1	8	1	8	3	6
Rủi ro	3	0	3	0	3	0	3

Cập nhật giá cả hàng hóa chiều 12/10

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	40.13	-1.16%	2.30%	6.60%	-23.59%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	42.42	-1.00%	2.70%	4.40%	-24.57%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	119.13	-0.99%	-0.20%	9.60%	-20.23%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1920.27	-0.52%	0.40%	-1.30%	27.68%		PNJ
Bạc	USD/ounce	25.03	-0.50%	2.70%	-6.90%	40.53%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1071.75	0.59%	4.90%	9.60%	10.40%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	596.50	0.46%	2.10%	8.80%	10.26%		AFX
Sữa	USD /cwt	19.75	0.10%	0.20%	14.40%	14.16%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	188.08	2.11%	6.40%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	14.45	1.55%	6.20%	14.90%	7.43%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	112.10	0.49%	4.60%	-14.90%	4.77%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6763.00	1.20%	3.20%	0.40%	16.68%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	538.98	-0.10%	4.00%	-2.30%		HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1841.50	2.05%	4.20%	3.20%	6.94%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	122.41	-0.31%	9.50%	-1.50%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	56.00	-4.11%	-9.40%	2.80%	-27.04%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 12 giảm 41 US cent xuống 42.44 USD/thùng. Dầu thô WTI kỳ hạn tháng 11 giảm 42 US cent xuống 40.18 USD/thùng. Dầu thô giảm chủ yếu bởi các cơ sở sản xuất tái khởi động sau bão Delta. Cùng với đó, cuộc đình công tại Na Uy cũng kết thúc vào hôm thứ sáu. Theo Baker Hughes, việc dầu vận động quanh 40 USD/thùng thúc đẩy các doanh nghiệp đẩy mạnh triển khai dàn khoan dầu trong tuần thứ tư liên tiếp. Đồng thời, sản lượng của Lybia dự kiến đạt 355,000 thùng/ngày kể từ thứ hai.

Giá vàng

• Vàng giao ngay giảm 0.1% xuống 1,927.11 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn New York tăng 0,5% lên 1,934.70 USD/ounce. Vàng giao ngay giảm nhẹ chủ yếu bởi giá trị USD tăng sau khi đề xuất 1,800 tỷ USD gói cứu trợ của chính quyền tổng thống Donald Trump nhận bất đồng từ cả hai đảng Cộng hòa cùng Dân chủ. Đồng thời, CNY giảm sau khi NHTW Trung Quốc giảm tỷ lệ dự trữ trong giáo dịch ngoại hối của ngân hàng nước này xuống 0% góp phần làm tăng giá USD.

	12/10	% 12/10	9/10	% 9/10	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	925.83	0.20%	924.00	0.56%	1.22%	4.16%
S&P 500			3477.13	0.88%	3.84%	2.30%
HĐTL S&P500	3486.00	0.37%	3473.25	1.04%	2.74%	4.68%
Shang- hai	3358.47	2.64%	3272.08	1.68%	4.32%	-1.36%
Euro Stoxx	3283.69	0.32%	3273.12	0.53%	1.97%	-0.88%

Phân tích kỹ thuật

BWE_Tích lũy ngắn hạn

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy ngắn hạn.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm dưới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, hồi phục từ kênh Bollinger dưới.

Nhận định: BWE đang nằm trong xu hướng tích lũy ngắn hạn trong vùng giá 25-26. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên, tuy nhiên lực và lực bán vẫn khá cân bằng trong phiên. Chỉ báo MACD vẫn chưa có tín hiệu hồi phục trong khi chỉ báo RSI đang ủng hộ nhịp hồi phục ngắn hạn. Đường giá cổ phiếu đang vận động quanh dải mây Ichimoku cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn chưa hình thành. Như vậy, nhà đầu tư trung và dài hạn có thể mở vị thế cổ phiếu tại quanh vùng giá 25.0-26.0 và cân nhắc chốt lãi khi cổ phiếu tiệm cận ngưỡng 29.0, cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 25.0.



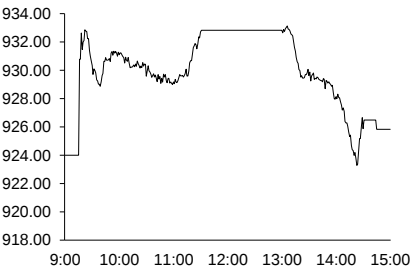
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bảo hiểm	4.23%
Ngân hàng	1.07%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.23%
Bất động sản	0.06%
Công nghệ Thông tin	-0.12%
Thực phẩm và đồ uống	-0.17%
Du lịch và Giải trí	-0.23%
Xây dựng và Vật liệu	-0.35%
Y tế	-0.47%
Dịch vụ tài chính	-0.54%
Tài nguyên Cơ bản	-0.71%
Hóa chất	-0.90%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.09%
Dầu khí	-1.26%
Bán lẻ	-1.45%
Viễn thông	-1.49%
Ô tô và phụ tùng	-1.51%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.53%
Truyền thông	-4.08%

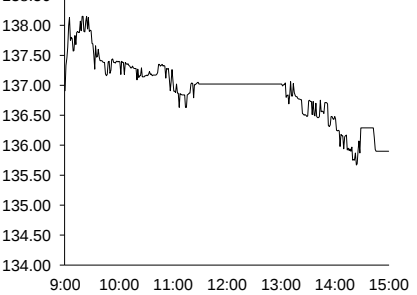
Hình 1

HSX-Index Intraday



Hình 2

HNX-Index Intraday



Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

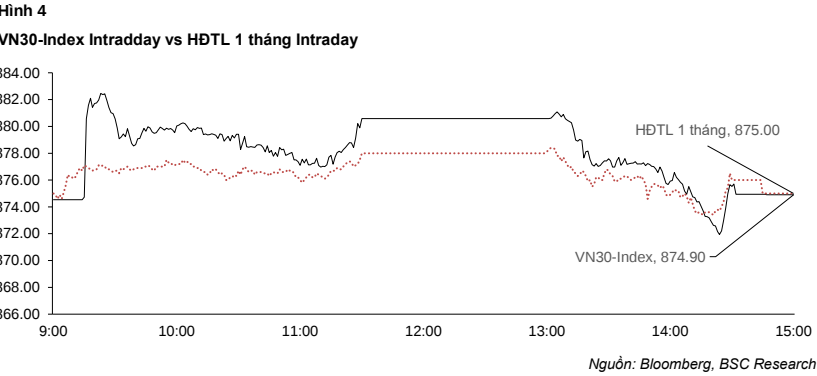
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
10/9/2020	SAB	193	212.5	185	188.1	3	-2.54%	Có thể tiếp tục mua
10/8/2020	PPC	24	26.5	23	23.65	4	-1.46%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
10/7/2020	GAS	74.1	84	71	75	5	1.21%	Có thể tiếp tục mua
10/5/2020	DXG	10.95	12	10	10.85	7	-0.91%	Có thể tiếp tục mua
10/2/2020	TLG	36.15	40	35	36.55	10	1.11%	Có thể tiếp tục mua
10/1/2020	SBT	15.8	18	14	16.2	11	2.53%	Có thể tiếp tục mua
9/29/2020	VNM	109.2	120.5	98.5	107	13	-2.01%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/28/2020	CEO	7.4	8.5	7	7.4	14	0.00%	Có thể tiếp tục mua
9/25/2020	FCN	11.35	13	10	11.25	17	-0.88%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/24/2020	SIP	81.1	95	76	82.6	18	1.85%	Có thể tiếp tục mua
9/22/2020	PVD	11.45	13.5	10.5	11.65	20	1.75%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/21/2020	KBC	13.85	15.5	13	14.35	21	3.61%	Có thể tiếp tục mua
9/17/2020	PTB	53.3	60	48	55.5	25	4.13%	Có thể tiếp tục mua
9/14/2020	TCT	27.95	35	25	29.8	28	6.62%	Có thể tiếp tục mua
9/11/2020	HDG	24.1	28	21	25.4	31	5.39%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/10/2020	GMD	23.8	26.7	20.5	23.95	32	0.63%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/8/2020	ANV	18.9	21	17.5	20.1	34	6.35%	Có thể tiếp tục mua
9/3/2020	TNG	12.6	15	12	13	39	3.17%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/31/2020	VJC	103	112	100	105	42	1.94%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/28/2020	VPB	23.6	25	22.2	23.4	45	-0.85%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/27/2020	GTN	25.4	31.1	22.1	24.6	46	-3.15%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/10/2020	VEA	44.4	46.5	41.5	43.8	63	-1.35%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	34.85	110	13.55%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	77.5	118	3.47%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
10/6/2020	MSN	58	64	54.5	TP	3	10.34%
9/23/2020	VCB	85.4	94	82.5	SL	9	-3.40%
9/18/2020	LAS	6.1	7	5.5	TP	21	14.75%
9/16/2020	PVS	12.9	14.5	12	TP	20	12.40%
9/15/2020	STB	11.6	13	11	TP	8	12.07%
9/9/2020	CVT	18.65	20.8	17.5	TP	23	11.53%
9/7/2020	TIG	6.7	7.4	6.3	TP	14	10.45%
9/4/2020	VCS	67	76	60	TP	27	13.43%
9/1/2020	VGX	8.1	9	7.5	TP	7	11.11%
8/26/2020	DRC	17.15	18.1	16	TP	14	5.54%
Chú thích: Thống kê 10 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời		SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	16	8	3.58%	-1.64%	1.84%	32
Cổ phiếu đã chốt	42	23	12.52%	-9.09%	4.87%	26

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2010	875.00	0.39%	0.10	13.7%	90,602	10/15/2020	5
VN30F2011	873.20	0.51%	-1.70	210.4%	2,210	11/19/2020	40
VN30F2012	869.60	0.30%	-5.30	137.2%	102	12/17/2020	68
VN30F2103	864.30	0.09%	-10.60	-42.2%	52	3/18/2021	159

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng nhẹ 0.37 điểm, xuống mức 874.9 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như CTG, MSN, VCB, VHM, VIC tác động mạnh đến vận động tăng của của VN30. VN30 tăng tích cực đầu phiên sáng, giằng co quanh 880 điểm, thu hẹp biên độ tăng trong phiên chiều xuống quanh mốc tham chiếu. Thanh khoản tăng, VN30 có thể vận động tăng lên 890 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2011, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp canh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 860 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMSN2008	11/20/2020	39	5:1	303,680	34.29%	1,530	3,500	11.46%	3,526	0.99	60,650	53,000	70,200
CVHM2002	11/30/2020	49	1:1	200,350	38.31%	11,500	5,370	8.70%	4,821	1.11	88,500	77,000	77,500
CVHM2005	1/14/2021	94	10:1	1,228,890	38.31%	1,400	820	5.13%	576	1.42	93,000	79,000	77,500
CMSN2006	1/14/2021	94	5:1	291,910	34.29%	1,900	2,970	1.37%	3,061	0.97	65,500	56,000	70,200
CTCB2007	1/14/2021	94	2:1	1,278,140	38.76%	1,700	1,410	-3.42%	1,214	1.16	23,400	20,000	21,200
CHPG2009	10/29/2020	17	2:1	306,020	38.29%	1,600	5,990	-3.70%	2,901	2.07	25,700	22,500	28,250
CHPG2016	1/14/2021	94	2:1	302,950	38.29%	2,200	4,030	-4.05%	1,365	2.95	31,900	27,500	28,250
CMWG2012	2/8/2021	119	5:1	95,830	42.10%	4,390	6,180	-4.48%	5,949	1.04	101,950	80,000	107,500
CHPG2008	11/30/2020	49	1:1	338,000	38.29%	4,100	6,960	-4.66%	1,791	3.89	32,100	28,000	28,250
CVRE2008	1/14/2021	94	4:1	679,930	44.55%	1,200	950	-5.00%	787	1.21	30,800	26,000	27,100
CVRE2007	4/5/2021	175	5:1	1,233,070	44.55%	1,520	470	-6.00%	309	1.52	40,933	33,333	27,100
CHPG2012	1/18/2021	98	1:1	189,930	38.29%	6,100	8,840	-6.06%	3,351	2.64	32,600	26,500	28,250
CMWG2010	1/14/2021	94	10:1	448,950	42.10%	1,400	2,820	-6.31%	2,735	1.03	96,000	82,000	107,500
CHPG2019	12/18/2020	67	2:1	428,280	38.29%	1,630	2,500	-6.37%	2,350	1.06	27,360	24,100	28,250
CMWG2007	11/30/2020	49	1:1	43,870	42.10%	12,900	21,900	-7.32%	21,582	1.01	99,900	87,000	107,500
CTCB2008	12/18/2020	67	2:1	501,570	38.76%	1,720	1,410	-7.84%	1,076	1.31	23,440	20,000	21,200
CSTB2008	11/20/2020	39	1:1	182,620	45.69%	1,500	3,250	-9.72%	3,176	1.02	11,700	10,200	13,300
CVPB2006	11/30/2020	49	1:1	464,550	45.82%	3,400	1,220	-10.29%	1,367	0.89	27,400	24,000	23,400
CTCB2005	11/30/2020	49	1:1	636,900	38.76%	3,000	1,090	-10.66%	917	1.19	25,000	22,000	21,200
CSBT2007	4/27/2021	197	2:1	556,190	41.98%	1,700	1,330	-11.92%	1,133	1.17	19,399	15,999	16,200
Tổng				9,155,310	39.99%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
				**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 12/10/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.
- CVIC2005 và CMSN2001 tăng mạnh lần lượt là 12.80% và 12.59%. Trái lại, CSBT2007 và CTCB2005 giảm mạnh lần lượt là -11.92% và -10.66%. Giá trị giao dịch tăng 43.67%. CHPG2008 có giá trị giao dịch nhiều nhất, 7.17% thị trường.
- CMWG2006, CMSN2005, CVPB2006, CMWG2009, và CMSN2006 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2009, CREE2004, và CDPM2002 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2007, CMWG2012, và CHPG2013 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	107.5	-1.4%	1.3	2,116	4.4	8,348	12.9	3.4	49.0%	30.3%
PNJ	Bán lẻ	62.0	-1.9%	1.3	607	1.5	4,629	13.4	3.0	49.0%	23.6%
BVH	Bảo hiểm	52.9	6.2%	1.4	1,707	8.8	1,625	32.6	2.0	28.3%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	30.3	0.7%	0.3	294	0.1	2,651	11.4	1.0	54.4%	8.8%
VIC	Bất động sản	93.9	0.3%	0.8	13,809	1.3	2,336	40.2	3.8	13.8%	9.5%
VRE	Bất động sản	27.1	-2.0%	1.1	2,677	4.7	1,057	25.7	2.2	30.7%	8.9%
VHM	Bất động sản	77.5	0.6%	1.3	11,084	14.5	6,686	11.6	3.7	22.0%	36.5%
DXG	Bất động sản	10.9	-3.1%	1.4	244	3.2	658	16.5	0.9	34.8%	2.9%
SSI	Chứng khoán	17.9	-0.8%	1.3	466	3.8	1,718	10.4	1.1	50.1%	10.7%
VCI	Chứng khoán	35.0	2.9%	1.0	252	1.7	4,110	8.5	1.5	28.1%	18.7%
HCM	Chứng khoán	22.2	-1.8%	1.7	294	2.6	1,608	13.8	1.6	49.0%	11.5%
FPT	Công nghệ	50.9	0.2%	0.8	1,735	3.4	4,280	11.9	2.7	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	49.3	-0.6%	0.4	586	0.0	4,812	10.2	2.6	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	75.0	0.9%	1.4	6,241	6.3	5,169	14.5	2.7	3.1%	20.5%
PLX	Dầu khí	49.4	-0.8%	1.5	2,615	0.6	867	56.9	3.0	16.1%	5.1%
PVS	Dầu khí	13.7	-3.5%	1.5	285	5.8	1,339	10.2	0.5	9.9%	5.2%
BSR	Dầu khí	7.3	0.0%	0.8	984	1.1	898	8.1	0.7	41.1%	8.5%
DHG	Dược	105.6	0.8%	0.5	600	0.0	5,044	20.9	4.3	54.8%	21.2%
DPM	Hóa chất	17.2	-1.1%	0.4	293	1.7	1,700	10.1	0.8	12.2%	8.9%
DCM	Hóa chất	12.0	-1.2%	0.5	275	2.1	709	16.9	1.0	2.3%	5.8%
VCB	Ngân hàng	85.9	1.3%	1.1	13,852	5.9	4,915	17.5	3.6	23.6%	22.0%
BID	Ngân hàng	41.0	1.5%	1.3	7,161	6.4	2,132	19.2	2.2	17.4%	12.3%
CTG	Ngân hàng	29.1	5.2%	1.2	4,711	21.5	2,995	9.7	1.3	29.9%	14.6%
VPB	Ngân hàng	23.4	0.0%	1.2	2,480	3.6	4,126	5.7	1.2	23.4%	23.5%
MBB	Ngân hàng	17.6	0.0%	1.0	2,116	3.7	3,041	5.8	1.1	23.0%	20.7%
ACB	Ngân hàng	23.3	-0.9%	0.9	2,190	8.8	2,884	8.1	1.6	39.0%	22.6%
BMP	Nhựa	55.2	-3.0%	0.8	196	1.0	5,781	9.5	1.9	81.7%	19.5%
NTP	Nhựa	32.8	0.3%	0.4	168	0.1	3,348	9.8	1.5	18.9%	16.0%
MSR	Tài nguyên	16.1	-0.6%	0.3	692	0.0	356	45.2	1.3	1.9%	2.9%
HPG	Thép	28.3	-0.9%	1.2	4,070	15.1	2,632	10.7	1.8	34.0%	18.1%
HSG	Thép	15.8	0.6%	1.5	305	10.4	1,767	8.9	1.1	10.5%	13.6%
VNM	Tiêu dùng	107.0	0.3%	0.8	9,721	5.6	4,615	23.2	7.4	58.1%	33.0%
SAB	Tiêu dùng	188.1	-2.5%	0.8	5,245	2.0	6,328	29.7	6.5	63.1%	23.7%
MSN	Tiêu dùng	70.2	3.1%	1.0	3,585	17.4	3,255	21.6	3.5	38.1%	13.9%
SBT	Tiêu dùng	16.2	-2.1%	0.8	413	3.3	619	26.2	1.3	5.2%	5.3%
ACV	Vận tải	63.2	-0.6%	0.8	5,982	0.7	3,450	18.3	3.7	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	105.0	0.6%	1.1	2,391	2.3	3,480	30.2	3.7	17.5%	12.3%
HVN	Vận tải	26.4	-1.3%	1.7	1,625	0.7	(3,871)	N/A	N/A	9.2%	-38.6%
GMD	Vận tải	24.0	-1.0%	0.9	309	0.5	1,381	17.3	1.2	49.0%	6.8%
PVT	Vận tải	13.7	-2.2%	1.2	167	1.9	2,076	6.6	0.8	19.8%	13.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	75.0	-0.9%	1.0	506	1.0	8,104	9.3	3.5	2.9%	40.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	22.9	-0.2%	0.8	446	0.3	1,363	16.8	1.6	7.7%	9.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	17.0	0.0%	0.9	282	1.2	1,937	8.8	1.2	6.0%	13.5%
CTD	Xây dựng	64.5	5.0%	1.1	214	5.9	8,453	7.6	0.6	47.0%	7.9%
CII	Xây dựng	18.9	-0.5%	0.3	196	3.1	1,562	12.1	0.9	34.6%	7.6%
REE	Điện	41.7	-0.7%	-1.4	562	1.1	4,780	8.7	1.2	49.0%	14.8%
PC1	Điện	22.5	-0.9%	-0.4	156	0.3	2,176	10.3	1.0	14.7%	9.9%
POW	Điện	10.4	-1.9%	0.6	1,054	3.0	933	11.1	0.9	10.5%	8.1%
NT2	Điện	23.2	-1.7%	0.6	290	0.2	2,685	8.6	1.5	19.1%	18.0%
KBC	Khu công nghiệp	14.4	-1.7%	0.8	293	1.2	1,156	12.4	0.7	18.8%	5.8%
BCM	Khu công nghiệp	40.1	1%	1.0	1,805	0.1	#N/A	N/A	N/A	2.8	1.8% #VALUE!

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CTG	29.10	5.24	1.54	16.83MLN
VCB	85.90	1.30	1.16	1.57MLN
MSN	70.20	3.08	0.70	5.82MLN
BID	40.95	1.49	0.69	3.53MLN
BVH	52.90	6.22	0.66	3.90MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
SAB	0.00	-0.90	237110	1.11MLN
VRE	0.00	-0.37	3.88MLN	607060
LGC	-0.01	-0.25	3790.00	373600
HPG	0.00	-0.24	12.26MLN	192700
MWG	0.00	-0.19	941210	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DAT	39.35	6.93	0.03	3730.00
VMD	26.25	6.92	0.01	7660
TIX	30.30	6.88	0.02	210
CIG	2.03	6.84	0.00	6480
TLD	11.95	6.70	0.00	4.06MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SFC	23.25	-7.00	-0.01	10
TTE	8.30	-6.95	-0.01	10
VAF	8.30	-6.95	-0.01	170.00
LGC	60.40	-6.93	-0.25	3790
PGI	18.30	-6.87	-0.03	1190

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHS	13.40	1.52	0.04	5.53MLN
HJS	31.00	6.90	0.02	1100.00
VHL	25.60	4.49	0.01	800
VIX	14.00	0.72	0.01	1.28MLN
NHA	12.60	5.88	0.01	174400

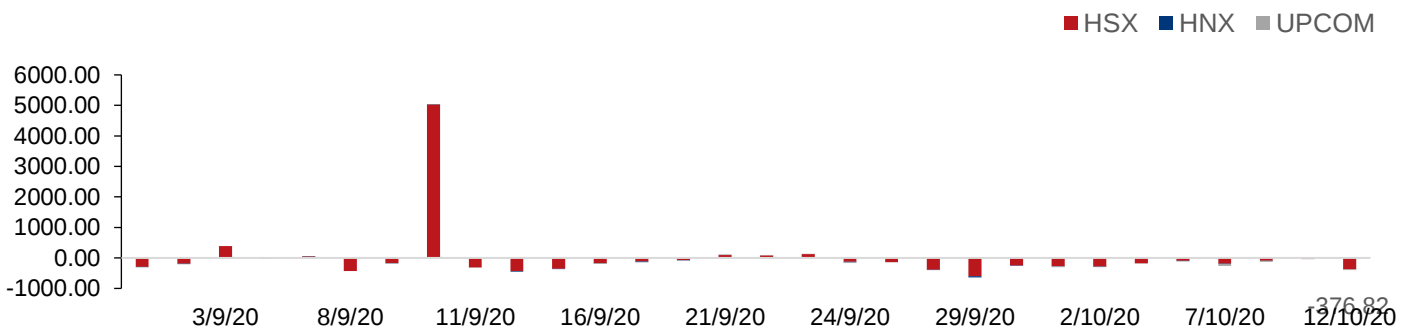
Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.30	-0.85	-0.42	8.64MLN
SHB	15.50	-0.64	-0.15	2.90MLN
PVS	13.70	-3.52	-0.12	9.50MLN
NVB	9.20	-2.13	-0.08	2.48MLN
CEO	7.40	-2.63	-0.03	1.51MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PCE	9.90	10.0	0.00	100
QHD	21.60	9.6	0.01	100
BBS	11.60	9.4	0.00	2300
HEV	11.60	9.4	0.00	800
TMB	21.30	9.2	0.01	7700.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.90	-10.00	-0.01	3.85MLN
MCO	1.90	-9.52	0.00	600
NHC	28.50	-9.52	-0.01	200
PMC	50.10	-9.24	-0.03	100
NBW	19.70	-8.37	0.00	100

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	107.5	8,348	12.9	3.4	Click
2	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	8.5	885	9.6	0.7	Click
3	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	41.7	5,512	7.6	1.5	Click
4	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	24.1	1,944	12.4	1.8	Click
5	HPG	Vật liệu Xây dựng	Mua	11/8/20	24.3	30.0	28.3	2,632	10.7	1.8	Click
6	NLG		Mua	24/6/20	25.0	34.6	26.5	3,024	8.8	1.4	Click
7	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	23.4	4,126	5.7	1.2	Click
8	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	45.5	9,998	4.6	1.3	Click
9	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	70.2	3,255	21.6	3.5	Click
10	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	42.3	4,670	9.1	1.7	Click
11	HSG	VLXD	Mua	2/6/20	10.1	12.4	15.8	1,767	8.9	1.1	Click
12	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/5/20	40.0	44.2	43.8	5,479	8.0	2.2	Click
13	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	26.6	2,103	12.6	2.2	Click
14	HPG	VLXD	Mua	20/5/19	26.2	36.7	28.3	2,632	10.7	1.8	Click
15	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	21.2	3,103	6.8	1.1	Click
16	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/20	62.0	64.5	62.0	4,629	13.4	3.0	Click
17	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	106.0	4,105	25.8	9.1	Click
18	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/20	10.6	15.4	10.9	658	16.5	0.9	Click
19	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/20	16.4	18.8	21.8	1,721	12.7	1.3	Click
20	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	25.4	7,583	3.3	1.4	Click
21	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	28.0	5,224	5.4	1.3	Click
22	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	53.4	4,739	11.3	2.2	Click
23	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/20	67.4	90.0	85.9	4,915	17.5	3.6	Click
24	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	23.3	2,884	8.1	1.6	Click
25	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	41.7	5,512	7.6	1.5	Click
26	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	56.0	5,872	9.5	2.5	Click
27	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/20	46.4	60.7	50.9	4,280	11.9	2.7	Click
28	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	24.0	1,381	17.3	1.2	Click
29	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/20	12.4	17.1	14.4	1,156	12.4	0.7	Click
30	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/20	144.0	161.1	188.1	6,328	29.7	6.5	Click
31	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	24.1	1,944	12.4	1.8	Click
32	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/20	106.2	127.3	107.0	4,615	23.2	7.4	Click
33	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	12.2	1,407	8.6	0.7	Click
34	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/20	106.2	171.1	107.5	8,348	12.9	3.4	Click
35	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	19.7	2,088	9.4	1.4	Click
36	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	105.6	5,044	20.9	4.3	Click
37	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	13.7	2,076	6.6	0.8	Click
38	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/20	86.5	99.7	62.0	4,629	13.4	3.0	Click
39	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	33.8	4,313	7.8	1.6	Click
40	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	216.0	14,782	14.6	6.0	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
2	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
4	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
5	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
6	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
9	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
13	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
14	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
15	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
16	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
17	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
18	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
21	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
22	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
23	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
24	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
27	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	x		Click
28	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
29	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	x		Click
31	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
32	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	x		Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	x		Click
34	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	x		Click
36	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
37	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	x		Click
38	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	x		Click
40	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VJC 2020Q3	17/9/20	Dự báo KQKD: BSC ước tính doanh thu thuần năm 2020 của VJC đạt 27,894 tỷ (-45% YoY) với giả định sản lượng hành khách giảm 70% (Tương đương 31% khách nội địa và 89% khách quốc tế), giá cước phí hàng không giảm 5% để cạnh tranh với các hãng hàng không khác. LNST ước đạt 5 tỷ đồng -99% YoY
Express TNG 2020Q3	22/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 13400 Dự báo KQKD: Năm 2020, công ty đặt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt 4,600 tỷ và 230 tỷ, tương đương với thực hiện năm 2019. Cổ tức năm 2020 dự kiến là 16% (cả tiền mặt và cổ phiếu)
Express NKG 2020Q4	22/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7950 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu thuần của NKG đạt 11,808 tỷ đồng (-11.2% YoY), LNST từ hoạt động kinh doanh cốt lõi (không tính LN bất thường) là 142 tỷ (gấp 2 cùng kỳ), tương đương EPS = 823 đồng/CP.

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639